

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11708/CT-TTHT  
V/v: Chính sách thuế

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2019

**Kính gửi:** Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA Việt Nam  
Địa chỉ: Tòa nhà Saigon Centre Tháp 2, 67 Lê Lợi, P.Bến Nghé, Q1, Tp.HCM  
Mã số thuế: 0301930337.

Trả lời văn bản số 0106/CV\_AIA ngày 28/6/2019 của Công ty về chính sách thuế, Cục Thuế TP có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNCN:

- Tại Khoản 2 Điều 2 quy định thu nhập từ tiền lương, tiền công:

Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

b) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản phụ cấp, trợ cấp sau:

...

đ) Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức:

...”

Căn cứ tại Điểm n, Khoản 3, Điều 12 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm m, Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế TNCN quy định các khoản thu nhập miễn thuế:

“n. Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe; tiền bồi thường tai nạn lao động; tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; các khoản bồi thường Nhà nước và các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật. Cụ thể trong một số trường hợp như sau:

n.1) Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe là khoản tiền mà cá nhân nhận được do tổ chức bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, bảo hiểm

sức khỏe trả cho người được bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Căn cứ xác định khoản bồi thường này là văn bản hoặc quyết định bồi thường của tổ chức bảo hiểm hoặc tòa án và chứng từ trả tiền bồi thường.

n.2) Thu nhập từ tiền bồi thường tai nạn lao động là khoản tiền người lao động nhận được từ người sử dụng lao động hoặc quỹ bảo hiểm xã hội do bị tai nạn trong quá trình tham gia lao động. Căn cứ xác định khoản bồi thường này là văn bản hoặc quyết định bồi thường của người sử dụng lao động hoặc tòa án và chứng từ chi bồi thường tai nạn lao động.

...”

+ Tại Khoản 2, Điều 14 quy định căn cứ tính thuế:

“6. Căn cứ tính thuế đối với tiền tích lũy mua bảo hiểm không bắt buộc là khoản tiền phí tích lũy mua bảo hiểm nhân thọ (không bao gồm bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác do người sử dụng lao động mua hoặc đóng góp cho người lao động và tỷ lệ khấu trừ 10%. Trường hợp người sử dụng lao động mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ (không bao gồm bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, người lao động chưa phải tính vào thu nhập chịu thuế khi người sử dụng lao động mua bảo hiểm. Đến thời điểm đáo hạn hợp đồng, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí tích lũy tương ứng với phần người sử dụng lao động mua cho người lao động từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Trường hợp khoản phí tích lũy được trả nhiều lần thì tiền thuế được khấu trừ theo tỷ lệ 10% tương ứng với từng lần trả tiền phí tích lũy.

Trường hợp người sử dụng lao động mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ (không bao gồm bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam thì người sử dụng lao động có trách nhiệm khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm đã mua hoặc đóng góp trước khi trả lương cho người lao động.

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm theo dõi riêng phần phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác do người sử dụng lao động mua hoặc đóng góp cho người lao động để làm căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Công ty (là Công ty Bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam) cung cấp sản phẩm bảo hiểm có tính tích lũy về phí bảo hiểm cho khách hàng là doanh nghiệp mua cho người lao động:

+ Nếu trường hợp sự kiện bảo hiểm xảy ra (trong thời hạn hiệu lực hợp đồng và trước khi hợp đồng bảo hiểm đáo hạn), Công ty phải chi trả bồi thường cho người lao động hoặc người thụ hưởng của người lao động theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm thì khoản thu nhập từ bồi thường bảo hiểm này được miễn thuế TNCN.

+ Trường hợp quy định của pháp luật về bảo hiểm quy định tiền phí tích lũy bảo hiểm đối với sản phẩm bảo hiểm nêu trên do cá nhân người lao động (người được bảo hiểm) thụ hưởng

nhưng do các bên thỏa thuận khoản tiền này chuyển cho Công ty (người mua bảo hiểm, người sử dụng lao động) thì khoản tiền trên được tính vào thu nhập tính thuế TNCN của người lao động. Trường hợp quy định của pháp luật về bảo hiểm quy định khoản tiền phí tích lũy do các bên thỏa thuận và thực tế các bên thỏa thuận khoản phí tích lũy chi trả cho Công ty, không chi trả cho người lao động thì khoản phí tích lũy nêu trên không tính vào thu nhập tính thuế TNCN của người lao động.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
  - Phòng NVDTPC;
  - Phòng TTKT10;
  - Lưu: VT, TTHT.
- 1171(02/7/19)/TNCN/ntrng

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Nam Bình**

